TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẢO LỘC** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/DS-ST
Ngày: 27-4-2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cầm Văn Nam

2. Bà Nguyễn Thị Văn

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Thanh P, sinh năm 1965. Nơi cư trú: đường N, Phường 8, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Bá S, sinh năm 1962 và bà Chu Lưu Ph, sinh năm 1969. Cùng nơi cư trú: đường H, Phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. *Đều vắng mặt*.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Công ty TNHH B. Địa chỉ: đường H, Phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Bá S, sinh năm 1962. Nơi cư trú: đường H, Phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Là người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Giám đốc Công ty TNHH B). *Vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/9/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/10/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Lê Thị Thanh P trình bày: Từ năm 2007 đến năm 2010 bà đã nhiều lần cho vợ chồng ông Phạm Bá S và bà Chu Lưu Ph vay tổng cộng 555.000.000 đồng. Đến ngày 31/12/2012 bà và ông S, bà Ph đã lập Biên bản đối chiếu công nợ xác nhận số tiền nợ gốc là 555.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 09/01/2013 là 218.000.000 đồng, tổng cộng số tiền bị đơn còn nợ bà là 773.000.000 đồng. Ông S, bà Ph cam kết sẽ trả số tiền này cho bà nhưng đến nay mặc dù bà đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả hết số tiền nợ nhưng bị đơn cứ khất nợ không trả.

Sau khi bà khởi kiện tại Tòa án thì ông S, bà Ph có trả cho bà 20.000.000 đồng. Nay bà khởi kiện yêu cầu ông S, bà Ph trả cho bà số tiền vay gốc còn lại là 535.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi suất.

Trong quá trình xét xử bị đơn bà Chu Lưu Ph trình bày: Bà xác nhận Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2012 do bà và chồng là ông Phạm Bá S ký xác nhận nợ với số tiền vay gốc nhiều lần tổng cộng là 555.000.000 đồng và tiền lãi 218.000.000 đồng tính đến ngày 09/01/2013 là đúng. Tuy nhiên số tiền nợ này không phải vợ chồng bà vay mà là do Công ty TNHH B vay là công ty hai thành viên góp vốn gồm bà (thành viên) và ông Phạm Bá S (đại diện theo pháp luật của công ty). Quá trình vay công ty đã nhiều lần trả tiền lãi cho bà P. Nay công ty đồng ý trả cho bà P số tiền vay gốc còn nợ.

Bị đơn bà Chu Lưu Ph, ông Phạm Bá S và đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH B đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông S, bà Ph trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc còn nợ là 535.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Thanh P vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn ông Phạm Bá S, bà Chu Lưu Ph và đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan Công ty TNHH B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không thuộc trường hợp bất khả kháng, nên căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Bà P cho rằng vợ chồng ông S, bà Ph vay tiền của bà, mặc dù bà đã đòi nhiều lần nhưng không trả dứt số tiền nợ nên khởi kiện yêu cầu ông S, bà Ph hiện có cùng nơi cư trú tại Phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng trả số tiền còn nợ. Vì vậy xác định đây là "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc vợ chồng bị đơn ông S, bà Ph trả 535.000.000 đồng tiền vay gốc thấy rằng: Bà Ph xác nhận số tiền vay gốc do bà và ông S ký xác nhận trong Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2012 là đúng, nhưng cho rằng số tiền này là Công ty TNHH B do ông S là giám đốc và bà Ph là thành viên vay, không phải cá nhân bà Ph, ông S vay. Tuy nhiên bà P xác định chỉ cho cá nhân vợ chồng ông S, bà Ph vay vì bà P có mối quan hệ quen biết với ông S và bà Ph, bà không biết gì về Công ty TNHH B; việc ông S, bà Ph sử dụng con dấu công ty đóng vào giấy đối chiếu công nợ là do vợ chồng bị đơn tự đóng vào.

Xét thấy, tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2012 có chữ ký xác nhận của ông S, bà Ph không thể hiện nội dung nguyên đơn cho Công ty TNHH B vay tiền mà chỉ ghi: "*Nay tôi là Phạm Bá S và vợ là Chu Lưu Ph xác nhận số tiền còn nợ của chị Phụng tính đến ngày 09/01/2013 với chi tiết như sau: tiền vay từ năm 2007 đến năm 2010 là 555.000.000 đồng...*"; bị đơn bà Ph trình bày số tiền nợ là do Công ty TNHH B vay nhưng nguyên đơn không thừa nhận mà bị đơn cũng không có chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ để xem xét. Vì vậy, áp dụng Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng bị đơn ông S, bà Ph có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc còn lại là 535.000.000 đồng cho bà P.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận

[5]. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật là: 5% x 535.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Thanh P. Buộc ông Phạm Bá S và bà Chu Lưu Ph có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Thanh P 535.000.000 (*Năm trăm ba mươi lăm triệu*) đồng tiền vay gốc.

2. Về án phí: Ông S và bà Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 25.400.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu bốn trăm nghìn*) đồng. Hoàn trả cho bà P tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.460.000 (*Mười bảy triệu bốn trăm sáu mươi nghìn*) đồng theo biên lai số AA/2016/0016389 ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP. Bảo Lộc;
- Chi cục THADS TP. Bảo Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)
Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẢO LỘC
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 15 giờ 00 phút, ngày 27 tháng 4 năm 2020. Tại trụ sở Tòa án

nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cầm Văn Nam

2. Bà Nguyễn Thị Văn

Tiến hành nghị án vụ án Dân sự thụ lý số 176/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" giữa nguyên đơn bà Lê Thị Thanh P; bị đơn ông Phạm Bá S, bà Chu Lưu Ph; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH B.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Về điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Biểu quyết: 3/3

Về yêu cầu của đương sự:

Ý kiến hội thẩm Nam: tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2012 có chữ ký xác nhận của ông S, bà Ph ghi: "*Nay tôi là Phạm Bá S và vợ là Chu Lưu Ph xác nhận số tiền còn nợ của chị Phụng tính đến ngày 09/01/2013 với chi tiết như sau: tiền vay từ năm 2007 đến năm 2010 là 555.000.000 đồng...*"; bị đơn bà Ph trình bày số tiền nợ là do Công ty TNHH B vay nhưng nguyên đơn không thừa nhận mà bị đơn cũng không có chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ để xem xét. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ ông S, bà Ph có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc còn lại là 535.000.000 đồng cho bà P.

Ý kiến hội thẩm Văn: Thống nhất ý kiến của hội thẩm Nam và bổ sung thêm ý kiến: kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ý kiến thẩm phán Trúc: Thống nhất ý kiến của các hội thẩm.

Biểu quyết: 3/3

Về án phí:

Ông S và bà Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 25.400.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu bốn trăm nghìn*) đồng.

Biểu quyết: 3/3

Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 15 giờ 30 phút, ngày 27 tháng 4 năm 2020. Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc